TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/LĐ-ST
Ngày: 25-10-2018
V/v tranh chấp tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Văn Màu
Ông Đoàn Bữu Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-LĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về "tranh chấp tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST –LĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn L sinh năm 1988; cư trú ấp M, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; có mặt

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M; trụ sở: ấp G, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kiều N sinh năm 1987, chức vụ: giám đốc; vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Tấn A sinh năm 1982; cư trú: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

2. Bà Đặng Thị Yến N sinh năm 1992; cư trú: khóm 1, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22-5-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn ông L trình bày: ngày 02-01-2017 ông ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV kỹ thuật M do bà Nguyễn Thị Kiều N làm giám đốc, công việc là giám sát an toàn lao động với mức lương

8.200.000 đồng/tháng. Trong quá trình thực hợp đồng lao động ông chấp hành đúng hợp đồng, không vi phạm nội quy lao động và kỷ luật lao động, khi nghỉ việc ông đã báo trước cho công ty vào tháng 3-2018. Ngày 08-3-2017 ông chính thức vào làm việc tại công ty đến ngày 14-5-2018 nghỉ việc.Tổng cộng thời gian làm việc tại công ty là 14 tháng 06 ngày, nhưng công ty chỉ trả lương tháng 5/2017 là 8.000.000 đồng còn nợ 200.000 đồng, khi ông nhận lương tháng 5-2017 thì công ty còn nợ lương 02 tháng trước đó là lương tháng 3, 4-2017. Kể từ khi ông nhận lương 5-2017 công ty tiếp tục nợ lương và đến tháng 4/2018 công ty chỉ đưa thêm 11.000.000 đồng, như vậy ông chỉ nhận tiền lương của công ty tổng cộng là 19.000.000 đồng. Ông bắt đầu làm việc tại công ty ngày 08/3/2017 đến ngày nghỉ việc 14/5/2018 tổng cộng là 14 tháng 06 ngày, công ty chỉ thanh toán tiền lương 19.000.000 đồng, như vậy công ty còn nợ lương của ông là 97.240.000 đồng. Nay ông yêu cầu công ty thanh toán số tiền lương còn nợ là 97.240.000 đồng và 03 tháng lương trợ cấp thôi việc là 24.600.000 đồng, tổng cộng là 121.840.000 đồng; rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi.

- *Theo biên bản ghi lời khai và lời khai tại phiên tòa người làm chứng ông A trình bày:* ông và ông Lành có làm việc tại Công ty TNHH MTV kỹ thuật M, ông chính thức làm tại công ty tháng 4-2017, còn ông Lành làm tháng 3-2017. Hiện nay phía công ty còn nợ lương của ông. Do ông làm việc cùng công ty và có đi lĩnh lương chung nên biết mức lương của ông Lành là 8.200.000 đồng/tháng và ông L nghỉ việc tại công ty vào tháng 14/5/2018, vì: khi nghỉ việc ông L có nói với ông là hoàn cảnh khó khăn nhưng công ty không trả lương nên nghỉ. Việc nhận lương của ông L ông biết vì ông có đi nhận lương chung với ông L cụ thể ông L chỉ nhận lương tháng 5/2017 và ông cũng chỉ nhận lương tháng 5/2017, công ty còn nợ lương ông tháng 4/2017.

- *Theo biên bản ghi lời khai người làm chứng bà C trình bày:* bà làm việc tại công ty từ tháng 5/2017 đến hết năm 2017 với chức vụ là kế toán, cùng làm kế toán với bà có bà Đặng Thị Yến N cùng phụ trách lương, hợp đồng nhân viên công ty, còn về quyết toán thì công ty thuê kế toán khác bà không biết. Khi bà vào làm thì ông L đã làm việc tại công ty nhưng không biết thời gian nào. Về hợp đồng lao động và tiền lương của ông L, bà không biết về hợp đồng lao động của ông L vì bà vào làm sau, còn tiền lương của ông Lành là 8.000.000 đồng/tháng, bà trực tiếp phát lương cho ông L chỉ 01 tháng là lương tháng 5/2017, kể từ lương tháng 6/2017 và những tháng tiếp theo đến khi bà nghỉ việc tại công ty thì mỗi tháng bà vẫn lên bảng lương nhưng do công ty không có tiền nên không có phát lương cho ông L.

- *Theo biên bản ghi lời khai người làm chứng bà N trình bày:* bà làm việc tại công ty từ ngày 02-01-2017 đến ngày 12-02-2018 thì nghỉ việc với chức vụ kế toán phụ trách tiền lương. Khi bà Chuối vào làm kế toán của công ty thì bà giao lại mãng tính lương cho bà C, bà chỉ phụ trách đối chiếu tính lương với bà C. Ông L làm việc tại công ty vào tháng 3/2017 nhưng không có làm hợp đồng lao động, sau đó do công ty nợ lương ông L không có tiền nên yêu cầu công ty làm hợp đồng lao động nên bà trực tiếp soạn hợp đồng lao động lùi ngày lại ghi ngày 02/01/2017. Về

tiền lương của ông Lthì bà trực tiếp phát lương cho ông L tháng 3, tháng 4/2017, đến tháng 5/2017 bà bàn giao việc phát lương cho bà C.

- *Theo tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện như sau:*

+ Hợp đồng lao động của ông L: ghi hợp đồng được ký kết ngày 02-01-2017, loại hợp đồng không xác định thời hạn, mức lương 8.200.000 đồng/tháng, công việc: giám sát an toàn lao động công trường, lương trả hàng tháng, thời gian báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng là 30 ngày.

+ Theo đối chiếu tin nhắn giữa số điện thoại di động của ông L là 01228120861 với số điện thoại di động của bà N (giám đốc công ty) là 0932158647 thể hiện nội dung là: ngày 01-3-2018 và ngày 16-3-2018 ông L nhắn tin với nội dung là đòi tiền lương, nhưng không rõ bao nhiêu tiền.

+ Theo Công văn số 25/D9KKD ngày 11-7-2018 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Trà Vinh trả lời: Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M được thành lập ngày 01-3-2016 tại ấp G, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị Kiều N là chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật, hiện nay công ty vẫn còn hoạt động.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên không phát biểu ý kiến tranh luận. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn và cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: ông Lành làm việc tại công ty Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M từ ngày 08-3-2017 và nghỉ việc tại công ty ngày 14-5-2018, là 14 tháng 06 ngày công ty chỉ thanh toán cho ông L tiền lương 19.000.000 đồng, còn nợ tiền lương ông L là 97.240.000 đồng, do đó ông L yêu cầu công ty thanh toán tiền lương 97.240.000 đồng là có căn cứ. Riêng đối với yêu cầu của ông L trả 03 tháng lương trợ cấp thôi việc 24.600.000 đồng là chưa thỏa đáng, vì theo quy định tại Điều 48 Bộ luật lao động thì người lao động làm việc từ 12 tháng trở lên được trợ cấp thôi việc bằng ½ tháng lương. Từ cơ sở phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L với số tiền 97.240.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tiền trợ cấp thôi việc là 4.100.000 đồng; buộc chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Lành khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M thanh toán tiền lương . Căn cứ Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M có trụ sở tại ấp G, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ 02 quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng bị đơn Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M và người làm chứng bà N đều vắng mặt, bà N đã có lời khai rõ ràng cho Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M và người làm chứng bà Ngọc.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L, Hội đồng xét xử xét thấy: theo hợp đồng lao động số 01 ngày 02-01-2017 được ký kết giữa ông L với Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M thể hiện đây là hợp đồng không xác định thời hạn, công việc giám sát an toàn lao động công trường với mức lương là 8.200.000 đồng/tháng, lương được trả hàng tháng, chấm dứt hợp đồng đơn phương phải báo trước 30 ngày. Xét thấy hợp đồng đã thể hiện cơ bản đầy đủ về nội dung về hợp đồng lao động theo Điều 23 Bộ luật lao động. Tuy nhiên về các chế độ bảo hiểm các bên thỏa thuận không tham gia là ảnh hưởng đến quyền lợi người lao động, do đó hợp đồng bị vô hiệu một phần về điều khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp, vì: theo Điều 3 mục 2 Thông tư 30/2013/TT-BLĐTBXH ngày 25-10-2013 quy định *"Hợp đồng lao động giao kết đầu tiên mà người sử dụng lao động và người lao động có trách nhiệm tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 44/2013/NĐ-CP là hợp đồng lao động có thời điểm ký kết đầu tiên trong số hợp đồng lao động mà người lao động đã tham gia ký kết"*

[4.1] Về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động: Hội đồng xét xử xét thấy ông Lành làm việc tại Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M không có vi phạm nội quy lao động, kỷ luật lao động và hợp đồng lao động và khi chấm dứt hợp đồng lao động có báo trước theo đúng quy định tại Điều 37 của Bộ luật lao động, lý do nghĩ việc là do công ty nợ lương của ông, do đó việc ông Lành đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là đúng theo quy định pháp luật.

[4.2] Về thời gian làm việc, nghỉ việc: theo lời khai của ông Lành, người làm chứng ông An, bà Ngọc và bà Chuổi đều thể hiện ông Lành làm việc tại Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M tháng 3-2017; về thời gian nghỉ việc: theo lời khai của ông L thì ông nghỉ việc tại công ty là ngày 14/5/2018 và khi nghỉ việc có

nói cho ông A biết, người làm chứng ông A cũng xác nhận ông Lành nghỉ việc có nói cho ông biết là ngày 14-5-2018. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện phía bị đơn Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M đều vắng mặt, không có ý kiến phản đối lời trình bày của ông Lành về thời gian làm việc, nghỉ việc và thời gian báo trước, do đó phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt. Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định ông Lành làm việc tại Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M ngày 08-3-2017, nghỉ việc ngày 14-5-2018 và có báo trước cho công ty tháng 3-2018.

[4.3] Về mức lương: theo hợp đồng lao động số 01 ngày 02-01-2017 được ký kết giữa ông Lành với Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M thể hiện mức lương 8.200.000 đồng/tháng, người làm chứng ông A cho rằng ông làm chung và có lĩnh lương chung nên biết mức lương của ông L 8.200.000 đồng/tháng. Tuy nhiên người làm chứng là bà N và bà Chuổi là kế toán của công ty khai lương của ông L là 8.000.000 đồng, lời khai này mâu thuẫn với mức lương theo hợp đồng lao động nên không có căn cứ xem xét, phía đại diện bị đơn Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M vắng mặt, không cung cấp lời khai, chứng cứ về mức lương của ông L nên phải chịu pháp lý về việc vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định mức lương của ông L là 8.200.000/tháng.

[4.4] Về thanh toán tiền lương: ông L khai nhận lương tháng 5/2017 và nhận thêm số tiền 11.000.000 đồng tổng cộng là 19.000.000 đồng, không có nhận lương tháng 3,4 năm 2017, người làm chứng bà Ng cho rằng bà đã phát lương cho ông L lương tháng 3, 4 năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy: phía đại diện bị đơn Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M vắng mặt, không cung cấp lời khai, chứng cứ về số tiền lương ông L đã nhận và còn nợ số tiền lương 97.240.000 đồng nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt, lời khai của bà N đã nghĩ làm và cũng không phải là người đại diện của công ty đưa ra nên không mang tính chất bảo vệ quyền lợi của công ty, do đó không có căn cứ để xác định ông L đã nhận lương tháng 3, tháng 4 năm 2017 và công ty không còn nợ số tiền lương ông Lành 97.240.000 đồng. Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M phải trả cho ông Lành số tiền 97.240.000 đồng.

[4.5] Về tiền trợ cấp thôi việc: ông L yêu cầu Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M trả số tiền 24.600.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: tại Điều 48 Bộ luật lao động quy định người lao động làm việc từ 12 tháng trở lên thì mỗi năm làm việc được trợ cấp một nữa tháng tiền lương, như vậy ông Lành làm việc công ty là 14 tháng 6 ngày tương ứng được hưởng trợ cấp nửa tháng lương. Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L về tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 4.100.000 đồng.

[5] Về rút yêu cầu khởi kiện của ông L về tiền lãi: Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu về tiền lãi của người khởi kiện ông L là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện về tiền lãi.

[6] Về án phí: người khởi kiện ông L có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 -12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho ông L. Nguyên đơn ông L được chấp nhận yêu cầu khởi kiện với số tiền 101.340.000 đồng, căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 -12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị đơn Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật Miền T chịu án phí cụ thể như sau: 101.340.000 đồng x 3% = 3.040.200 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 22, 23, 36, 37, 48, 50 Bộ lao động; Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 -12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L yêu cầu Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M trả tiền lương 97.240.000 đồng và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L yêu cầu Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M trả tiền trợ cấp thôi việc 4.100.000 đồng.

Buộc Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M trả cho ông Nguyễn Tấn L tổng cộng số tiền 101.340.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L đối với yêu cầu Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M trả tiền lãi nợ lương.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc Công ty TNHH MTV dịch vụ kỹ thuật M chịu 3.040.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Truyền